ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 748 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Đề án: Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026 – 2030.

2. Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh An Giang.

3. Đơn vị thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao.

4. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2030.

6. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

7. Cơ quan thẩm định và phê duyệt: UBND tỉnh An Giang.

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

An Giang là tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ, nơi hội tụ nhiều cộng đồng dân tộc cùng sinh sống, trong đó người Khmer chiếm tỷ lệ 8% và phân bố tập trung ở các xã, phường vùng biên giới và vùng ven sông. Sau khi thực hiện sáp nhập địa giới hành chính theo chủ trương của Nhà nước, địa bàn tỉnh được mở rộng, bao gồm cả các khu vực trước đây thuộc tỉnh Kiên Giang và An Giang (cũ), nơi có đời sống văn hóa Khmer phong phú, nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc vẫn còn được cộng đồng gìn giữ.

Nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer tại An Giang là bộ phận cấu thành quan trọng của di sản văn hóa vùng Tây Nam Bộ, góp phần tạo nên bản sắc riêng của tỉnh và làm phong phú kho tàng văn hóa Việt Nam. Các loại hình như múa Rom Vong, Rom Lăm Leo, Rom Saravan, Rom Tà Lung, Rom Kbách; Chầm Riêng Chà - pây, hát Aday, nhạc ngũ âm, dàn nhạc dây, trống Chhay-yam, nghệ thuật sân khấu Dù kê, Dì kê, múa Rô băm, cùng những làn điệu dân ca, lễ hội đặc trưng như Chôl Chnăm Thmây, Ok Om Bok, Sen Dolta… không chỉ mang giá trị nghệ thuật, mà còn chứa đựng tri thức dân gian, tín ngưỡng, phong tục, phản ánh lịch sử và tâm hồn của cộng đồng Khmer qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và biến đổi xã hội nhanh chóng, các giá trị nghệ thuật truyền thống này đang đứng trước nguy cơ mai một nghiêm trọng:

- Đội ngũ nghệ nhân - những người nắm giữ và thực hành di sản - đa phần đã cao tuổi, sức khỏe giảm sút, trong khi lớp kế thừa còn rất mỏng.

- Không gian thực hành nghệ thuật bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, thay đổi phương thức sinh hoạt, di cư lao động.

- Hoạt động truyền dạy phần lớn dựa vào hình thức truyền khẩu, chưa có chương trình đào tạo chính quy và tài liệu chuẩn hóa, dẫn đến nguy cơ thất truyền.

- Sự thay đổi thị hiếu văn hóa trong giới trẻ trước làn sóng văn hóa hiện đại, cùng với tác động của kinh tế thị trường, khiến nhiều loại hình không còn được ưa chuộng như trước.

Bên cạnh đó, việc sáp nhập địa giới hành chính đặt ra yêu cầu mới về quy hoạch và tổ chức bảo tồn di sản trên quy mô rộng hơn, đảm bảo tính thống nhất nhưng vẫn tôn trọng đặc thù từng địa phương. Đây cũng là cơ hội để kết nối, hình thành các không gian văn hóa Khmer liên tỉnh, tạo sức lan tỏa, nâng tầm di sản. Việc xây dựng và triển khai Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026-2030 là yêu cầu cấp thiết nhằm:

- Ngăn chặn nguy cơ mai một di sản thông qua các biện pháp bảo vệ khẩn cấp, tư liệu hóa và số hóa.

- Tạo cơ chế hỗ trợ nghệ nhân và lớp kế thừa, đảm bảo tính liên tục của truyền thống.

- Khai thác giá trị di sản gắn với phát triển kinh tế - du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer.

- Tăng cường đoàn kết các cộng đồng dân tộc trong tỉnh sau sáp nhập, phát huy vai trò văn hóa như một trụ cột phát triển bền vững.

Việc ban hành Đề án không chỉ có ý nghĩa với riêng cộng đồng Khmer, mà còn đóng góp vào thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa của tỉnh An Giang đến năm 2030, phù hợp với chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

- Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc";

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc;

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân","Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;

- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 287/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 816/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

- Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2299/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Công văn số 2271/VP-KGVX ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh tên gọi Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Kiên Giang và Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2026-2030 thành Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh An Giang và Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026-2030.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

- Bảo tồn, khôi phục, gìn giữ và phát huy bền vững các giá trị nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang sau sáp nhập, coi đây là bộ phận cấu thành quan trọng trong bản sắc văn hóa tỉnh và vùng Tây Nam Bộ. Thông qua việc điều tra, kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa, truyền dạy và phát huy

di sản trong đời sống đương đại, đảm bảo tính nguyên bản, tính liên tục và khả năng thích ứng của các loại hình nghệ thuật Khmer.

- Đề án hướng tới việc xây dựng môi trường thực hành và sáng tạo nghệ thuật gắn với đời sống cộng đồng, tăng cường sự tham gia chủ động của đồng bào Khmer, đồng thời tạo ra những sản phẩm văn hóa đặc sắc phục vụ giáo dục, quảng bá hình ảnh tỉnh và phát triển du lịch văn hóa. Qua đó, nâng cao đời sống tinh thần, tạo sinh kế bền vững cho nghệ nhân và cộng đồng thực hành, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện thành công Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Bảo vệ và gìn giữ tri thức nghệ thuật truyền thống

- Rà soát, hệ thống hóa các loại hình nghệ thuật tiêu biểu; ưu tiên bảo vệ khẩn cấp các loại hình và bài bản đang có nguy cơ mai một.

- Chuẩn hóa quy trình lưu giữ, tư liệu hóa và truyền dạy nghệ thuật Khmer tại cộng đồng.

2.2. Phát triển đội ngũ kế thừa và tăng cường truyền dạy trong cộng đồng

- Tạo điều kiện để nghệ nhân truyền nghề liên tục, gắn với chùa Khmer, trường học và các thiết chế văn hóa.

- Củng cố lực lượng thanh thiếu niên tham gia học tập, thực hành và biểu diễn nghệ thuật.

2.3. Khôi phục không gian thực hành và nâng cao tần suất hoạt động nghệ thuật

- Thiết lập các địa điểm sinh hoạt nghệ thuật tại cộng đồng; tổ chức thường xuyên hoạt động biểu diễn gắn với lễ hội truyền thống.

- Xây dựng cơ chế vận hành bền vững cho các câu lạc bộ nghệ thuật Khmer.

2.4. Kết nối nghệ thuật truyền thống với phát triển du lịch và kinh tế - xã hội

- Ứng dụng nghệ thuật Khmer trong các sản phẩm du lịch văn hóa, chương trình truyền thông và hoạt động quảng bá của tỉnh.

- Khuyến khích mô hình khai thác di sản tạo sinh kế cho nghệ nhân và cộng đồng.

2.5. Nâng cao nhận thức xã hội, giáo dục lòng tự hào văn hóa dân tộc

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về giá trị nghệ thuật Khmer trong cộng đồng và giới trẻ.

- Tăng cường giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong tỉnh và trong vùng Tây Nam Bộ.

3. Sản phẩm đầu ra của Đề án

3.1. Sản phẩm về kiểm kê - tư liệu hóa

- Bộ hồ sơ kiểm kê đầy đủ các loại hình nghệ thuật Khmer (Dù kê, Rô băm, múa dân gian, nhạc ngũ âm…).

- Phim tư liệu, ảnh, bản ghi âm, bản mô tả kỹ thuật nghệ thuật.

- Bộ bản đồ văn hóa - nghệ thuật Khmer tỉnh An Giang.

3.2. Sản phẩm về truyền dạy - phục hồi

- Tối thiểu 05-07 lớp truyền dạy mỗi năm cho các loại hình trọng điểm.

- Ít nhất 02 mô hình thí điểm câu lạc bộ nghệ thuật Khmer hoạt động thường xuyên.

- Bộ tài liệu hướng dẫn truyền dạy nghệ thuật truyền thống Khmer.

3.3. Sản phẩm về trình diễn và tổ chức sự kiện

- 01 Liên hoan nghệ thuật truyền thống Khmer định kỳ 2 năm/lần.

- 01 chương trình nghệ thuật tổng hợp phục vụ du lịch.

3.4. Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu

- Kho tư liệu số hóa (hình ảnh, video, bản nhạc, kịch bản, động tác múa).

- Website/mục dữ liệu riêng về nghệ thuật Khmer thuộc cơ sở dữ liệu của Sở Văn hóa và Thể thao.

IV. HIỆN TRẠNG NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

1. Các loại hình nghệ thuật tiêu biểu

1.1. Múa Rom Vong, Rom Lăm Leo, Rom Saravan, Rom Tà Lung, Rom Kbách, Chầm Riêng Chà - pây, hát Aday, Dù kê, Dì kê

Nghệ thuật biểu diễn của đồng bào Khmer tỉnh An Giang là bộ phận quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần, thể hiện bản sắc tộc người và góp phần tạo nên diện mạo văn hóa đặc thù vùng Nam Bộ. Trên địa bàn tỉnh hiện còn lưu giữ và thực hành nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu, vừa mang tính dân gian, vừa có yếu tố sân khấu hóa rõ nét.

- Múa Rom Vong là điệu múa vòng truyền thống phổ biến nhất của người Khmer Nam Bộ, được trình diễn trong các dịp lễ hội như Chol Chnam Thmay, Ok Om Bok, Sen Dolta… với tiết tấu vui tươi, động tác uyển chuyển, thể hiện tinh thần đoàn kết, niềm vui và khát vọng no ấm. Ở An Giang, Rom Vong thường được tổ chức tại các chùa Khmer và sân chợ nông thôn, có sự tham gia của nhiều thế hệ.

- Múa Rom Lăm Leo, Rom Saravan, Rom Tà Lung, Rom Kbách là các biến thể của Rom Vong, mang đặc trưng địa phương và chịu ảnh hưởng giao lưu văn hóa vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Các điệu múa này thường có nhịp

nhanh hơn, động tác mạnh mẽ, mang tính ứng tác cao, thể hiện nét vui tươi, phóng khoáng trong sinh hoạt cộng đồng.

- Chầm Riêng Chà-pây là hình thức ca hát dân gian đặc sắc, trong đó nghệ nhân vừa hát vừa đệm đàn chà-pây (một loại đàn hai dây truyền thống). Nội dung thường ca ngợi đạo lý, tình yêu quê hương, đất nước, hoặc kể chuyện cổ tích, răn dạy con người hướng thiện. Ở An Giang, một số nghệ nhân lớn tuổi vẫn còn lưu giữ và truyền dạy loại hình này tại các phum, sóc có đông đồng bào Khmer.

- Hát Aday là thể loại dân ca trữ tình, được thể hiện trong sinh hoạt giao duyên hoặc lễ hội, phản ánh tâm tư, tình cảm, đạo lý ứng xử của người Khmer. Hát Aday có làn điệu sâu lắng, thể hiện qua giọng ca mộc mạc, truyền cảm.

- Dù kê là loại hình sân khấu dân gian tổng hợp, ra đời đầu thế kỷ XX, kết hợp giữa hát, múa, diễn và âm nhạc, được xem là "cải lương Khmer". Các vở Dù kê thường khai thác đề tài lịch sử, cổ tích hoặc đạo đức xã hội, mang ý nghĩa giáo dục nhân sinh sâu sắc. Tại An Giang, Dù kê vẫn được duy trì ở nhiều chùa Khmer, đặc biệt trong các lễ hội truyền thống.

- Dì kê là biến thể của Dù kê, thường gắn với hình thức biểu diễn nhỏ, linh hoạt hơn, mang tính quần chúng cao, được tổ chức trong các dịp vui của cộng đồng như cưới hỏi, lễ tết.

Nhìn chung, các loại hình nghệ thuật này vẫn tồn tại trong đời sống của đồng bào Khmer An Giang, song đang đứng trước nguy cơ mai một do thiếu lực lượng kế thừa, hạn chế về kinh phí hoạt động và môi trường thực hành bị thu hẹp. Một số nghệ nhân lớn tuổi là người duy trì chính, trong khi lớp trẻ ít quan tâm do tác động của văn hóa hiện đại.

1.2. Nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, nghệ thuật sân khấu dân gian

Nhạc ngũ âm (Pinpeat) là loại hình âm nhạc truyền thống tiêu biểu, mang tính biểu tượng của văn hóa Khmer Nam Bộ, hiện diện rộng rãi trong đời sống tín ngưỡng và lễ hội của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang (sau sáp nhập Kiên Giang). Dàn nhạc ngũ âm gồm năm nhóm nhạc cụ cơ bản: nhóm gõ bằng kim loại (Chiêng, Cồng), nhóm gõ bằng da (Trống skor), nhóm gõ bằng gỗ (Rô-neat), nhóm hơi (Sralai, Khloy) và nhóm dây (Trô-sao, Chà-pây).

Âm nhạc ngũ âm không chỉ thể hiện kỹ năng nghệ thuật tinh tế mà còn phản ánh quan niệm âm dương, ngũ hành, và triết lý hài hòa giữa con người với tự nhiên. Dàn nhạc này thường được biểu diễn trong các nghi lễ Phật giáo Nam tông Khmer, các lễ hội truyền thống như Chol Chnam Thmay, Sen Dolta, Ok Om Bok, cũng như trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại các chùa Khmer ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Gò Quao, Vĩnh Thuận...

Hiện nay, hầu hết các chùa Khmer trên địa bàn đều duy trì một dàn nhạc ngũ âm, nhưng số lượng nghệ nhân am hiểu sâu về kỹ thuật trình diễn và chế tác nhạc cụ đang giảm dần. Một số dàn nhạc hoạt động cầm chừng do thiếu người kế thừa, nhạc cụ xuống cấp, hoặc thiếu kinh phí tu bổ, bảo quản.

Trống Chhai-yam là hình thức trình diễn nghệ thuật dân gian độc đáo, kết hợp giữa âm nhạc, múa và hoạt cảnh, thể hiện tinh thần vui tươi, đoàn kết và sáng tạo của người Khmer. Nghệ thuật Chhai-yam thường xuất hiện trong các lễ hội chùa, lễ tống tiễn năm cũ, rước sắc thần, hoặc các sự kiện mừng công. Tiết tấu mạnh mẽ, động tác múa vui nhộn và trang phục sặc sỡ đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt, thu hút đông đảo người xem.

Trên địa bàn tỉnh An Giang, nghệ thuật trống Chhai-yam được duy trì tại nhiều địa phương như chùa Soài So (Tri Tôn), chùa Tà Pạ (Núi Tô), chùa Xvayton (Tịnh Biên), chùa Kompong (Gò Quao), chùa Bâng Srey (Giang Thành)... Tuy nhiên, hoạt động biểu diễn Chhai-yam hiện chủ yếu dựa vào nghệ nhân lớn tuổi; chưa có chương trình đào tạo, truyền dạy chính quy và còn thiếu cơ chế hỗ trợ để phát huy giá trị như một sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng của vùng Khmer Nam Bộ.

Nghệ thuật sân khấu dân gian Khmer ở tỉnh An Giang (sau sáp nhập) bao gồm các loại hình tiêu biểu như Rô băm, Dù kê và Dì kê. Trong đó, Rô băm là loại hình sân khấu cổ điển có nguồn gốc cung đình Khmer, thường thể hiện các tích truyện kinh điển như *Reamker* (phiên bản Khmer của *Ramayana*), đòi hỏi diễn viên có kỹ năng múa, hát, diễn và hóa trang tinh tế. Dù kê ra đời vào đầu thế kỷ XX, là hình thức sân khấu dân gian tổng hợp, kết hợp yếu tố ca - múa - nhạc - diễn, được ví như "cải lương Khmer". Dì kê là dạng giản lược của Dù kê, gần gũi với đời sống thường nhật, mang tính quần chúng cao, thường biểu diễn trong các lễ hội, cưới hỏi, hay sinh hoạt cộng đồng. Hiện nay, các loại hình sân khấu này vẫn được bảo tồn và biểu diễn tại một số đoàn nghệ thuật Khmer ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Hòn Đất, Gò Quao, cùng các câu lạc bộ Dù kê - Rô băm do ngành văn hóa tổ chức. Tuy nhiên, sự mai một vẫn diễn ra rõ nét: lực lượng nghệ sĩ kế cận ít, kịch bản mới khan hiếm, và cơ sở vật chất phục vụ biểu diễn còn hạn chế.

Tổng thể, hệ thống âm nhạc, trống và sân khấu dân gian Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang (sau sáp nhập Kiên Giang) vẫn giữ vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa cộng đồng, là biểu tượng của bản sắc Khmer vùng Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, trước tác động của quá trình đô thị hóa và hội nhập, các loại hình này đang cần được đầu tư, bảo tồn và phát huy một cách có hệ thống, gắn với phát triển du lịch văn hóa và giáo dục thế hệ trẻ về giá trị di sản dân tộc.

1.3. Các lễ hội có yếu tố nghệ thuật: Ok Om Bok, Chol Chnam Thmay

Trong đời sống văn hóa - tín ngưỡng của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, các lễ hội truyền thống như Chol Chnam Thmay (Tết năm mới) và Ok Om Bok (Lễ cúng Trăng) không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo - nông nghiệp sâu sắc, mà còn là không gian văn hóa tổng hợp, nơi các loại hình nghệ thuật dân gian được biểu diễn, lưu truyền và phát huy mạnh mẽ nhất.

Lễ hội Chol Chnam Thmay thường diễn ra vào trung tuần tháng 4 dương lịch hằng năm, đánh dấu thời khắc chuyển giao năm cũ - năm mới theo lịch Phật giáo Nam tông Khmer. Trong suốt ba ngày lễ, các chùa Khmer ở Tri Tôn, Tịnh

Biên, Hòn Đất, Giang Thành, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Thuận... đều tổ chức nhiều nghi thức và hoạt động văn hóa nghệ thuật phong phú như:

- Múa Rom Vong, Rom Lăm Leo, Rom Saravan trong không khí vui tươi, thể hiện tinh thần đoàn kết, mừng năm mới.

- Biểu diễn Dù kê, Dì kê và Rô băm tại sân chùa hoặc nhà văn hóa cộng đồng, tái hiện các tích truyện dân gian, giáo lý nhà Phật, đề cao đạo hiếu và lòng nhân ái.

- Biểu diễn nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, hát Aday, Chầm Riêng Chà-pây, tạo nên không gian âm nhạc rộn ràng, trang nghiêm và đầy sức sống.

Lễ hội Chol Chnam Thmay vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa là dịp cộng đồng Khmer thể hiện bản sắc nghệ thuật qua các hình thức trình diễn dân gian. Nhiều hoạt động có tính giao lưu văn hóa vùng, thu hút đồng bào người Kinh và người Chăm cùng tham dự, góp phần tăng cường sự gắn kết cộng đồng và quảng bá hình ảnh văn hóa Khmer Nam Bộ.

Lễ hội Ok Om Bok (Lễ cúng Trăng) diễn ra vào rằm tháng 10 âm lịch, là nghi lễ nông nghiệp quan trọng, thể hiện lòng biết ơn đối với Mặt Trăng - vị thần bảo hộ mùa màng. Trong lễ hội này, yếu tố nghệ thuật được thể hiện rõ nét qua:

- Nghi lễ cúng trăng, kèm các màn múa, hát dân gian như Rom Vong, Rom Kbách, Rom Tà Lung, do thanh niên nam nữ Khmer biểu diễn.

- Hội đua ghe ngo, hoạt động thể thao - nghệ thuật tiêu biểu của người Khmer Nam Bộ, thể hiện tinh thần đoàn kết, sức mạnh cộng đồng và khả năng tổ chức nghi lễ quy mô lớn.

- Các biểu diễn nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, Dù kê diễn ra sôi nổi tại khu vực chùa và trung tâm thị tứ có đông đồng bào Khmer sinh sống.

Tại các địa phương như: Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao, lễ hội Ok Om Bok đã trở thành sự kiện văn hóa cấp vùng, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự tác động của quá trình đô thị hóa và xu hướng thương mại hóa lễ hội khiến một số yếu tố nghệ thuật truyền thống bị giản lược; quy mô tổ chức giữa các địa phương chưa đồng đều, và công tác bảo tồn, truyền dạy các tiết mục múa hát dân gian phục vụ lễ hội còn hạn chế.

Nhìn chung, các lễ hội Chol Chnam Thmay và Ok Om Bok là "sân khấu tự nhiên" cho sự biểu hiện và lan tỏa các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer. Đây là không gian sống động giúp cộng đồng duy trì tập quán thực hành, đồng thời là tiềm năng lớn để phát triển sản phẩm du lịch văn hóa - lễ hội đặc trưng của tỉnh An Giang (sau sáp nhập Kiên Giang) trong giai đoạn 2026-2030.

2. Thực trạng bảo tồn và phát huy

2.1. Nghệ nhân còn lại chủ yếu lớn tuổi

Hiện nay, đội ngũ nghệ nhân Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang - những người nắm giữ, thực hành và truyền dạy các loại hình nghệ thuật truyền thống - đang ngày càng thu hẹp cả về số lượng lẫn phạm vi hoạt động. Phần lớn nghệ nhân còn lại đều ở độ tuổi cao, sức khỏe hạn chế, điều kiện kinh tế khó khăn, trong khi lớp trẻ ít người kế tục, dẫn đến nguy cơ đứt gãy truyền thống văn hóa nghệ thuật Khmer trong cộng đồng.

Theo thống kê của các địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống (như Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Thuận), mỗi huyện chỉ còn từ 5–10 nghệ nhân thực hành thường xuyên các loại hình như nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, Dù kê, Rô băm, Chầm Riêng Chà-pây, hát Aday… Trong số đó, đa phần ở độ tuổi từ 55 trở lên, có người đã trên 70 tuổi.

Một số nghệ nhân tiêu biểu như các nghệ nhân Dù kê ở Tri Tôn, nghệ nhân nhạc ngũ âm tại chùa Xvayton (Tịnh Biên), hay nghệ nhân Chhai-yam ở Giang Thành, hiện vẫn tích cực tham gia biểu diễn, hướng dẫn lớp trẻ, song việc truyền dạy chủ yếu mang tính tự phát, chưa có chương trình, tài liệu hay cơ chế hỗ trợ cụ thể. Các lớp truyền dạy nghệ thuật do địa phương hoặc ngành văn hóa tổ chức chỉ mang tính ngắn hạn, chưa hình thành mô hình "trường lớp cộng đồng" bền vững.

Do thiếu người kế thừa, nhiều bài bản, điệu thức, nhạc cụ và kỹ năng biểu diễn đang bị thất truyền. Một số dàn nhạc ngũ âm hoặc đoàn Dù kê, Rô băm chỉ hoạt động trong dịp lễ hội lớn, thậm chí phải mượn nghệ nhân từ địa phương khác về hỗ trợ. Nhiều nghệ nhân có tâm huyết mong muốn truyền nghề nhưng không có điều kiện, công cụ, hay chế độ đãi ngộ xứng đáng, khiến công tác bảo tồn gặp nhiều khó khăn.

Thực trạng này phản ánh mối nguy cấp trong việc duy trì nguồn nhân lực văn hóa Khmer, nhất là trong bối cảnh hội nhập và chuyển dịch xã hội hiện nay. Nếu không có chính sách kịp thời về tôn vinh, hỗ trợ, đào tạo kế thừa và đãi ngộ nghệ nhân, nguy cơ mai một các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer là rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến bản sắc văn hóa vùng Tây Nam Bộ nói chung và tỉnh An Giang nói riêng.

2.2. Thiếu môi trường biểu diễn thường xuyên

Một trong những khó khăn nổi bật trong công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là thiếu không gian và môi trường biểu diễn thường xuyên cho các loại hình nghệ thuật dân gian như nhạc ngũ âm, múa Rom Vong, trống Chhai-yam, Dù kê, Rô băm, Dì kê, hát Aday, Chầm Riêng Chà-pây…

Hiện nay, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật Khmer chủ yếu chỉ diễn ra trong những dịp lễ hội lớn như Chol Chnam Thmay, Ok Om Bok, Sen Dolta, hoặc trong các chương trình văn nghệ quần chúng do địa phương tổ chức. Ngoài thời gian lễ hội, các đoàn nghệ thuật Khmer gần như không có địa điểm, sân khấu hay chương trình định kỳ để duy trì hoạt động. Nhiều đoàn Dù kê, Rô băm ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao phải sử dụng tạm sân chùa, nhà văn hóa

hoặc sân trường làm nơi biểu diễn; cơ sở vật chất, trang thiết bị âm thanh - ánh sáng thiếu thốn, ảnh hưởng đến chất lượng nghệ thuật và khả năng thu hút khán giả.

Bên cạnh đó, thiếu chính sách hỗ trợ biểu diễn chuyên nghiệp cũng là nguyên nhân khiến các đội, nhóm nghệ thuật Khmer hoạt động cầm chừng. Một số địa phương từng tổ chức liên hoan văn nghệ Khmer hoặc ngày hội văn hóa các dân tộc Nam Bộ, song chỉ mang tính định kỳ ngắn hạn, chưa hình thành hệ thống biểu diễn thường xuyên, liên kết giữa các xã, phường - chùa - trường học. Lực lượng trẻ người Khmer dù có năng khiếu nhưng thiếu cơ hội rèn luyện và biểu diễn thực tế, dẫn đến giảm hứng thú và xa rời nghệ thuật truyền thống.

Việc chưa gắn kết nghệ thuật Khmer với phát triển du lịch văn hóa - lễ hội cũng khiến các loại hình này thiếu "đất diễn" trong đời sống đương đại. Nhiều địa phương có tiềm năng du lịch văn hóa Khmer như chùa Xvayton (Tịnh Biên), chùa Soài So (Tri Tôn), chùa Hang (Kiên Lương) chưa được khai thác đúng mức để tổ chức các chương trình trình diễn nghệ thuật dân gian định kỳ, phục vụ cả cộng đồng lẫn du khách.

Tình trạng này dẫn đến thực tế là các loại hình nghệ thuật Khmer chỉ "sống" trong mùa lễ hội, còn trong sinh hoạt thường nhật của cộng đồng thì ngày càng vắng bóng. Việc thiếu môi trường biểu diễn ổn định và dài hạn không chỉ làm gián đoạn chuỗi truyền dạy giữa các thế hệ mà còn làm giảm sức sống, tính hấp dẫn và khả năng lan tỏa của các giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer trong đời sống xã hội hiện nay.

2.3. Ít có lớp truyền dạy chính quy

Một trong những thách thức lớn trong công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là thiếu các lớp truyền dạy chính quy, hệ thống và bền vững.

Hiện nay, việc truyền dạy các loại hình nghệ thuật như nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, múa Rom Vong, Dù kê, Rô băm, Dì kê, hát Aday, Chầm Riêng Chà-pây chủ yếu diễn ra theo hình thức tự phát, theo lứa tuổi hoặc theo nhu cầu của từng lễ hội. Một số nghệ nhân lớn tuổi hướng dẫn trực tiếp cho con cháu, hoặc truyền nghề tại các câu lạc bộ cộng đồng, nhưng chưa có chương trình đào tạo bài bản, được tổ chức theo mô hình trường lớp.

Một số địa phương như Tri Tôn, Tịnh Biên, Định Hòa, Gò Quao, Giang Thành, Hòn Đất, Vĩnh Thuận đã phối hợp với ngành văn hóa mở các lớp dạy nghệ thuật Khmer ngắn hạn, nhưng các lớp này thường mang tính thử nghiệm, không có giáo trình chuẩn, thiếu tài liệu hướng dẫn, và thời gian học ngắn. Lớp trẻ người Khmer ít có cơ hội tiếp xúc lâu dài với nghệ thuật truyền thống, dẫn đến gián đoạn chuỗi kế thừa giữa các thế hệ.

Ngoài ra, thiếu cơ chế khuyến khích, đãi ngộ cho nghệ nhân và giáo viên truyền dạy cũng là nguyên nhân khiến việc hình thành lớp kế thừa chính quy gặp khó khăn. Các lớp truyền dạy hiện nay chưa được tích hợp vào hệ thống giáo dục

chính thức, chưa gắn với chứng nhận nghề nghiệp hay cơ hội biểu diễn thực tế, nên khả năng thu hút học viên trẻ rất hạn chế.

Tình trạng này cho thấy, nếu không có chính sách đào tạo bài bản, hệ thống lớp truyền dạy chính quy, gắn kết giữa nghệ nhân - địa phương - ngành văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer sẽ đối mặt với nguy cơ mai một, mất đi tính sống động trong đời sống cộng đồng và lễ hội.

2.4. Tài liệu, tư liệu rời rạc, chưa số hóa

Một khó khăn lớn trong công tác bảo tồn nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là tình trạng tài liệu, tư liệu ghi chép về nghệ thuật Khmer còn rời rạc, chưa được tập trung và số hóa.

Hiện nay, các tài liệu về nhạc cụ, điệu múa, bài bản hát, kịch bản Rô băm, Dù kê, Dì kê, nghi lễ lễ hội chủ yếu tồn tại dưới dạng ghi chép tay, băng cát-sét, băng đĩa cũ, hình ảnh chụp, hoặc ghi âm tự phát của các nghệ nhân, nhà nghiên cứu dân gian hoặc cộng đồng địa phương. Các tư liệu này rải rác tại chùa, nhà dân, trung tâm văn hóa, hoặc lưu giữ riêng lẻ bởi nghệ nhân, chưa được tập hợp, đánh giá khoa học và bảo quản đúng tiêu chuẩn.

Việc chưa số hóa tài liệu và tư liệu dẫn đến một số hệ quả:

- Khó tiếp cận và khai thác cho công tác giảng dạy, truyền dạy nghệ thuật cho lớp trẻ và cộng đồng;

- Nguy cơ mất mát thông tin, thất truyền kỹ năng, bài bản khi nghệ nhân lớn tuổi qua đời;

- Khó khăn trong nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác bảo tồn, phát triển du lịch văn hóa và quảng bá giá trị nghệ thuật Khmer;

- Hạn chế trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch.

Trên thực tế, một số địa phương như Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao đã có nỗ lực ghi âm, chụp hình hoặc biên soạn tư liệu về nghệ thuật truyền thống Khmer, song các tư liệu này chưa được tập hợp thành hệ thống, chuẩn hóa và số hóa trên nền tảng hiện đại, dẫn đến hiệu quả khai thác còn hạn chế.

Tình trạng này cho thấy cần thiết phải triển khai các biện pháp thu thập, sưu tầm, đánh giá, chuẩn hóa và số hóa tư liệu, vừa phục vụ bảo tồn lâu dài, vừa tạo cơ sở để phát huy giá trị nghệ thuật Khmer trong giáo dục, nghiên cứu khoa học và du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Những khó khăn, thách thức

3.1. Đời sống người dân còn khó khăn

Một trong những thách thức cơ bản ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng còn nhiều khó khăn.

Phần lớn đồng bào Khmer sinh sống tại Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Thuận vẫn dựa chủ yếu vào nông nghiệp nhỏ, sản xuất tự cung tự cấp và các nghề thủ công truyền thống, nên thu nhập bình quân còn thấp. Tình trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đầu tư thời gian và tài chính cho các hoạt động nghệ thuật truyền thống, bao gồm:

- Tham gia biểu diễn, học tập và truyền dạy nghệ thuật;

- Bảo quản nhạc cụ, trang phục, đạo cụ biểu diễn;

- Tham gia các lớp tập huấn, câu lạc bộ hoặc các chương trình văn hóa - lễ hội do địa phương tổ chức.

Do áp lực mưu sinh, nhiều thanh niên Khmer ưu tiên học nghề hoặc đi làm ở thành phố, tỉnh khác, dẫn đến lớp kế cận nghệ nhân truyền thống bị suy giảm, tạo khoảng trống trong việc kế thừa và phát triển các loại hình nghệ thuật dân gian.

Bên cạnh đó, đời sống khó khăn còn hạn chế khả năng hỗ trợ từ cộng đồng và gia đình cho các hoạt động nghệ thuật, khiến các nghệ nhân lớn tuổi phải tự bỏ chi phí cá nhân để duy trì biểu diễn, truyền dạy hoặc sưu tầm tư liệu, dẫn đến hiệu quả bảo tồn hạn chế.

Từ thực trạng trên, có thể thấy rằng cải thiện đời sống kinh tế - xã hội cho đồng bào Khmer không chỉ là vấn đề phát triển chung của vùng, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống một cách bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang.

3.2. Đô thị hóa làm biến đổi không gian văn hóa

Một thách thức quan trọng khác ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng làm biến đổi không gian văn hóa truyền thống.

Trong những năm gần đây, các khu vực đông đồng bào Khmer như Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Thuận chứng kiến sự mở rộng đô thị, cải tạo chợ, xây dựng khu dân cư mới và các dự án hạ tầng giao thông. Quá trình này đã tạo ra một số hệ quả tiêu cực đối với đời sống văn hóa truyền thống:

- Thu hẹp không gian sinh hoạt cộng đồng, nơi trước đây đồng bào tổ chức lễ hội, múa hát, trình diễn Dù kê, Rô băm hay biểu diễn nhạc ngũ âm;

- Giảm số lượng sân chùa, sân vận động, hoặc nhà văn hóa cộng đồng có thể sử dụng làm địa điểm biểu diễn, dẫn đến các hoạt động nghệ thuật chỉ diễn ra trong dịp lễ hội lớn, thiếu môi trường biểu diễn thường xuyên;

- Thay đổi cơ cấu dân cư do di cư hoặc nhập cư, dẫn đến sự pha trộn văn hóa và giảm tương tác giữa các thế hệ, khiến các giá trị nghệ thuật Khmer ít được thực hành, quan sát và học tập;

- Tác động của văn hóa hiện đại và giải trí công nghiệp len lỏi vào đời sống hàng ngày, làm giảm hứng thú của giới trẻ trong việc tham gia các hoạt động nghệ thuật truyền thống.

Do đó, mặc dù đô thị hóa đem lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế – xã hội, nhưng đồng thời tạo áp lực lên không gian thực hành và truyền dạy nghệ thuật truyền thống, làm gia tăng nguy cơ mai một các loại hình nghệ thuật dân gian Khmer.

Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống, cần có các giải pháp cân bằng giữa phát triển hạ tầng, đô thị hóa và bảo tồn không gian văn hóa, bao gồm việc duy trì các địa điểm biểu diễn, sân chùa, câu lạc bộ nghệ thuật và kết hợp các hoạt động văn hóa trong quy hoạch đô thị của tỉnh An Giang.

3.3. Suy giảm truyền thống thực hành nghệ thuật

Một thách thức nổi bật trong việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là suy giảm truyền thống thực hành nghệ thuật trong cộng đồng.

Hiện nay, lớp kế thừa trẻ có khả năng tiếp nhận, học tập và thực hành các loại hình nghệ thuật dân gian như múa Rom Vong, Rom Lăm Leo, Dù kê, Rô băm, Dì kê, nhạc ngũ âm, trống Chhai-yam, hát Aday, Chầm Riêng Chà-pây còn rất hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm:

- Thiếu môi trường biểu diễn thường xuyên, khiến lớp trẻ ít cơ hội rèn luyện và thực hành;

- Áp lực mưu sinh và xu hướng lao động tại các thành phố hoặc tỉnh khác, làm giảm thời gian và hứng thú tham gia hoạt động văn hóa truyền thống;

- Thiếu lớp truyền dạy chính quy, chương trình đào tạo không bài bản, giáo trình chưa chuẩn hóa, dẫn đến việc truyền nghề chủ yếu diễn ra tự phát, không đồng bộ;

- Tác động của đô thị hóa và văn hóa hiện đại, làm giảm sự quan tâm và tham gia của cộng đồng, đặc biệt là thanh thiếu niên, vào các lễ hội, nghi lễ và hoạt động nghệ thuật truyền thống.

Hệ quả là nhiều bài bản, điệu múa, nhạc cụ và kỹ năng biểu diễn đang dần thất truyền, trong khi nghệ nhân lớn tuổi giữ vai trò chủ yếu trong việc duy trì nghệ thuật, tạo ra nguy cơ đứt gãy chuỗi kế thừa giữa các thế hệ.

Việc suy giảm thực hành nghệ thuật không chỉ làm giảm sức sống của các loại hình dân gian, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến bản sắc văn hóa Khmer, khiến giá trị nghệ thuật truyền thống khó được duy trì, phát huy trong đời sống cộng đồng và trong các lễ hội đặc trưng của tỉnh An Giang.

3.4. Thiếu chính sách hỗ trợ đồng bộ và lâu dài

Một trong những thách thức cơ bản trong công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang là thiếu các chính sách hỗ trợ đồng bộ, dài hạn và toàn diện.

Mặc dù trong những năm gần đây, ngành văn hóa và chính quyền địa phương đã có một số chương trình hỗ trợ biểu diễn, đào tạo và sưu tầm nghệ thuật dân gian Khmer, nhưng về tổng thể, các chính sách này vẫn còn mang tính phong trào, ngắn hạn, chưa gắn kết chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và địa phương.

Cụ thể:

- Kinh phí hỗ trợ chưa ổn định, dẫn đến các lớp truyền dạy, câu lạc bộ nghệ thuật và dàn nhạc ngũ âm chỉ hoạt động cầm chừng, không duy trì được thường xuyên;

- Thiếu cơ chế đãi ngộ và tôn vinh nghệ nhân làm giảm động lực của lực lượng chủ chốt trong việc duy trì và truyền dạy nghệ thuật;

- Chưa có quy hoạch bảo tồn nghệ thuật truyền thống Khmer gắn với phát triển du lịch văn hóa, dẫn đến hoạt động biểu diễn và giáo dục nghệ thuật vẫn phân tán, thiếu hệ thống;

- Chưa có cơ chế phối hợp liên ngành giữa Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chùa Khmer và các tổ chức xã hội trong việc tổ chức biểu diễn, đào tạo, sưu tầm và số hóa tư liệu;

- Chưa có cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống, làm khó khăn cho việc hoạch định chính sách lâu dài.

Thực trạng này dẫn đến sự thiếu ổn định trong công tác bảo tồn, truyền dạy và phát huy nghệ thuật Khmer, khiến nhiều loại hình nghệ thuật dân gian đang đứng trước nguy cơ mai một. Đồng thời, thiếu chính sách đồng bộ và lâu dài cũng làm giảm khả năng huy động nguồn lực xã hội, cộng đồng và doanh nghiệp tham gia vào hoạt động bảo tồn nghệ thuật truyền thống.

Để bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer, việc xây dựng và triển khai các chính sách đồng bộ, dài hạn, có sự phối hợp liên ngành và cộng đồng là yếu tố cấp thiết và quyết định thành công của đề án giai đoạn 2026-2030.

V. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quan điểm

1.1. Đặt văn hóa Khmer là một trụ cột trong chiến lược phát triển bền vững văn hóa tỉnh

Trong bối cảnh An Giang sau sáp nhập, đồng bào Khmer là một trong những cộng đồng dân tộc có di sản văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng, bao

gồm nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, múa, sân khấu dân gian, lễ hội truyền thống, nghệ thuật tạo hình, kiến trúc chùa và các nghi lễ tín ngưỡng.

Quan điểm của đề án là: văn hóa Khmer không chỉ là yếu tố tinh thần, mà còn là trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững văn hóa và du lịch của tỉnh, thể hiện ở các khía cạnh:

- Bảo tồn bản sắc văn hóa: giữ gìn các loại hình nghệ thuật, nghi lễ, lễ hội, phong tục tập quán đặc trưng, góp phần duy trì bản sắc văn hóa đa dạng, đặc trưng vùng Tây Nam Bộ.

- Phát huy giá trị văn hóa trong đời sống cộng đồng: nâng cao nhận thức, niềm tự hào, gắn kết cộng đồng Khmer, đồng thời tạo môi trường cho lớp trẻ tiếp cận, học tập và thực hành nghệ thuật truyền thống.

- Gắn kết văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch bền vững: khai thác tiềm năng lễ hội, nghệ thuật biểu diễn và di sản chùa Khmer để xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, góp phần tạo nguồn thu, việc làm, cải thiện đời sống đồng bào.

- Định hướng quản lý và đầu tư lâu dài: văn hóa Khmer được xem là trụ cột chiến lược, ưu tiên trong việc đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo, sưu tầm, số hóa tư liệu và xây dựng chính sách hỗ trợ bền vững.

Từ quan điểm này, đề án xác định: bảo tồn và phát huy văn hóa Khmer là nhiệm vụ trọng tâm, song hành với phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là cơ sở xây dựng hình ảnh tỉnh An Giang giàu bản sắc văn hóa và đa dạng cộng đồng dân tộc.

1.2. Bảo tồn phải xuất phát từ cộng đồng và vì cộng đồng

Đề án xác định rằng bảo tồn nghệ thuật truyền thống và di sản văn hóa Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang phải lấy cộng đồng làm trung tâm, nghĩa là:

- Cộng đồng là chủ thể thực hành và bảo vệ di sản: nghệ nhân, các sư sãi chùa Khmer, thanh thiếu niên và các tổ chức cộng đồng là lực lượng nòng cốt trong việc truyền dạy, biểu diễn, sưu tầm và lưu giữ các loại hình nghệ thuật dân gian, đảm bảo giá trị văn hóa không bị mai một.

- Hoạt động bảo tồn phải gắn với lợi ích cộng đồng: các chương trình, dự án bảo tồn cần phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, góp phần phát triển sinh kế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giúp đồng bào dân tộc Khmer nâng cao cảnh giác, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, lợi dụng vấn đề dân tộc, văn hóa nhằm chia rẽ dân tộc.

- Khuyến khích sự tham gia chủ động của các thế hệ trẻ: lớp trẻ Khmer là lực lượng kế thừa quan trọng, cần được tạo điều kiện học tập, thực hành và biểu diễn, kết hợp với môi trường giáo dục chính quy, câu lạc bộ văn hóa và lễ hội cộng đồng.

- Bảo tồn kết hợp phát triển bền vững: mọi hoạt động bảo tồn nghệ thuật và lễ hội phải vừa giữ gìn bản sắc, vừa phát huy giá trị trong đời sống hiện đại, gắn với phát triển du lịch, giáo dục văn hóa và các chương trình xã hội nhằm phục vụ cộng đồng Khmer.

Nguyên tắc này khẳng định rằng: bảo tồn di sản Khmer không phải là hoạt động đơn thuần của cơ quan quản lý, mà là quá trình cộng đồng cùng tham gia, sáng tạo, tiếp nối và hưởng lợi, tạo nền tảng để nghệ thuật truyền thống sống động và phát triển bền vững trong đời sống hiện đại của tỉnh An Giang.

1.3. Kết hợp truyền thống với ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa hình thức truyền dạy

Trong bối cảnh phát triển xã hội và hội nhập, bảo tồn nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang cần kết hợp giữa việc gìn giữ truyền thống và ứng dụng công nghệ hiện đại, nhằm nâng cao hiệu quả truyền dạy, lưu trữ, quảng bá và phát huy giá trị di sản.

Cụ thể:

- Số hóa tư liệu nghệ thuật: ghi âm, ghi hình, biên soạn tài liệu về múa, nhạc cụ, bài bản hát, kịch bản Rô băm, Dù kê, Dì kê và các nghi lễ lễ hội, phục vụ lưu trữ lâu dài và dễ dàng tiếp cận cho cộng đồng, lớp trẻ và nghiên cứu khoa học.

- Hiện đại hóa hình thức truyền dạy: sử dụng trung tâm văn hóa, câu lạc bộ nghệ thuật, lớp học trực tuyến, video hướng dẫn, ứng dụng di động để truyền nghề, kết hợp giáo trình chuẩn hóa và phương pháp sư phạm hiện đại.

- Kết hợp truyền thống và sáng tạo: giữ nguyên bản sắc, kỹ thuật và tinh thần nghệ thuật Khmer, đồng thời khuyến khích sáng tạo hình thức biểu diễn, trang phục, đạo cụ, phù hợp với nhu cầu biểu diễn trong lễ hội, du lịch văn hóa và các chương trình cộng đồng.

- Tăng cường khả năng lan tỏa và quảng bá: ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, website văn hóa, phim tài liệu, phim ngắn về nghệ thuật Khmer để giới thiệu giá trị di sản rộng rãi trong và ngoài nước, đồng thời tạo cơ hội phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng.

- Liên kết nghiên cứu và đào tạo: hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức văn hóa để đào tạo nhân lực, phát triển giáo trình số hóa, đồng thời kết nối nghiên cứu khoa học với thực hành cộng đồng.

Nguyên tắc này giúp nghệ thuật truyền thống Khmer vừa được bảo tồn nguyên vẹn, vừa thích ứng với đời sống hiện đại, tạo môi trường học tập thuận lợi, hấp dẫn lớp trẻ, đồng thời mở rộng phạm vi tác động văn hóa, giáo dục và du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Định hướng

2.1. Ưu tiên bảo vệ khẩn cấp các loại hình đang mai một

Trong bối cảnh thực trạng hiện nay, nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang như Dù kê, Rô băm, Dì kê, trống Chhai-yam, nhạc ngũ âm, Chầm Riêng Chà-pây và các bài bản hát Aday đang đứng trước nguy cơ mai một do thiếu nghệ nhân kế thừa, lớp truyền dạy chưa bài bản, môi trường biểu diễn hạn chế và tư liệu rời rạc, chưa số hóa.

Định hướng của đề án là ưu tiên thực hiện các biện pháp bảo vệ khẩn cấp, nhằm:

- Xác định và lập danh sách các loại hình nghệ thuật có nguy cơ mai một cao, đánh giá mức độ nguy cấp để triển khai ưu tiên.

- Hỗ trợ trực tiếp cho các nghệ nhân lớn tuổi, thông qua hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, bảo dưỡng nhạc cụ, đạo cụ và trang phục biểu diễn, tạo điều kiện duy trì hoạt động thực hành.

- Tổ chức các lớp truyền dạy khẩn cấp, tập trung vào các loại hình đang suy giảm nghiêm trọng, đảm bảo lớp trẻ được tiếp nhận kiến thức và kỹ năng cơ bản.

- Sưu tầm, ghi âm, ghi hình và số hóa ngay các bài bản, điệu múa, kịch bản, nghi lễ để bảo tồn tư liệu phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu và biểu diễn.

- Thúc đẩy biểu diễn, giới thiệu các loại hình nghệ thuật nguy cấp trong lễ hội, chương trình cộng đồng, liên hoan văn nghệ, nhằm tăng tính sống động, thu hút sự quan tâm và khuyến khích lớp kế thừa tham gia.

Định hướng này nhằm ngăn chặn nguy cơ mất mát vĩnh viễn các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer, tạo nền tảng cho việc bảo tồn lâu dài, đồng bộ và phát triển bền vững, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cộng đồng Khmer trên toàn tỉnh An Giang.

2.2. Xây dựng mạng lưới nghệ nhân - học trò

Một trong những định hướng chiến lược của đề án là xây dựng mạng lưới kết nối trực tiếp giữa nghệ nhân và lớp kế thừa, nhằm bảo vệ, truyền dạy và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang.

Cụ thể:

- Xác định và danh mục hóa nghệ nhân chủ chốt: lập hồ sơ, phân loại theo loại hình nghệ thuật (múa, nhạc, hát, sân khấu dân gian, trống Chhai-yam, Dù kê, Rô băm…), độ tuổi, mức độ thành thạo và khả năng truyền nghề.

- Xây dựng hệ thống học trò kế thừa: lựa chọn thanh thiếu niên, sinh viên, cộng đồng trẻ Khmer quan tâm đến nghệ thuật truyền thống, kết nối với từng nghệ nhân chủ chốt.

- Thiết lập mạng lưới liên huyện và liên chùa: kết nối các nghệ nhân, lớp học và câu lạc bộ văn hóa ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Giang Thành, Hòn Đất, Gò Quao, Vĩnh Thuận, tạo thành mạng lưới bảo tồn và truyền dạy liên tục, linh hoạt.

- Phát triển chương trình truyền dạy bài bản: xây dựng giáo trình, lịch học, kỹ thuật biểu diễn, sưu tầm và thực hành tại chùa, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ,

đồng thời kết hợp với ứng dụng công nghệ số, video hướng dẫn và nền tảng trực tuyến.

- Tổ chức biểu diễn, hội thi và liên hoan văn nghệ: tạo điều kiện cho học trò thực hành, giao lưu, rèn luyện kỹ năng và phát huy giá trị nghệ thuật trong cộng đồng, đồng thời tạo cơ hội công nhận và khích lệ nghệ nhân cùng lớp kế thừa.

Định hướng này giúp:

- Đảm bảo sự kế thừa liên tục các loại hình nghệ thuật.

- Tăng cường sự gắn kết giữa nghệ nhân lớn tuổi và lớp trẻ.

- Phát huy vai trò cộng đồng trong bảo tồn và phát triển nghệ thuật truyền thống Khmer, góp phần xây dựng nền tảng bền vững cho văn hóa Khmer trong đời sống hiện đại và trong các lễ hội, du lịch văn hóa tỉnh An Giang.

2.3. Kết nối với các hoạt động văn hóa, giáo dục, du lịch

Để phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, đề án xác định việc kết nối di sản văn hóa với các hoạt động văn hóa, giáo dục và du lịch là định hướng chiến lược.

Cụ thể:

- Văn hóa cộng đồng: lồng ghép biểu diễn múa Rom Vong, Dù kê, Rô băm, trống Chhai-yam, nhạc ngũ âm và các nghi lễ lễ hội vào các lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa dân tộc, liên hoan văn nghệ quần chúng, nhằm tạo môi trường thực hành thường xuyên, khuyến khích lớp trẻ tham gia và gắn kết cộng đồng.

- Giáo dục và truyền dạy: tích hợp nội dung nghệ thuật truyền thống Khmer vào chương trình ngoại khóa, câu lạc bộ văn hóa, lớp học tại chùa và trung tâm văn hóa, đồng thời kết hợp ứng dụng công nghệ số, video hướng dẫn, tài liệu trực tuyến để tăng cường khả năng tiếp cận cho học sinh, sinh viên và cộng đồng.

- Du lịch văn hóa: phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, như tham quan chùa Khmer, học múa Rom Vong, biểu diễn nhạc ngũ âm, trải nghiệm lễ hội Chol Chnam Thmay, Ok Om Bok, hoặc các tour du lịch gắn với ẩm thực, lễ hội và văn hóa dân gian Khmer, nhằm kết hợp bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội.

- Quảng bá và lan tỏa giá trị nghệ thuật: sử dụng các kênh truyền thông, website, mạng xã hội, phim tài liệu, video giới thiệu lễ hội và nghệ thuật biểu diễn, vừa nâng cao nhận thức cộng đồng, vừa thu hút khách du lịch, nhà nghiên cứu và các tổ chức văn hóa.

- Liên kết liên ngành và địa phương: phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các xã, phường, đặc khu, chùa Khmer, trường học và các tổ chức xã hội để triển khai các hoạt động văn hóa - giáo dục - du lịch đồng bộ và bền vững.

Định hướng này nhằm biến nghệ thuật truyền thống Khmer từ giá trị văn hóa thuần túy thành nguồn lực phát triển bền vững, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa,

vừa tạo cơ hội giáo dục, việc làm và phát triển du lịch, góp phần xây dựng hình ảnh tỉnh An Giang giàu bản sắc văn hóa và đa dạng cộng đồng dân tộc.

3. Giải pháp chủ yếu

***3.1. Kiểm kê - số hóa - tư liệu hóa*:** Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử.

Để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang một cách khoa học và bền vững, việc kiểm kê, số hóa và tư liệu hóa là giải pháp then chốt, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tổng hợp, chuẩn hóa và dễ dàng khai thác.

Cụ thể các nội dung:

* Kiểm kê thực trạng di sản nghệ thuật Khmer:

- Xác định các loại hình nghệ thuật, lễ hội và nghi lễ hiện có trên địa bàn: múa Rom Vong, Rom Lăm Leo, Dù kê, Rô băm, Dì kê, trống Chhai-yam, nhạc ngũ âm, Chầm Riêng Chà-pây, hát Aday…;

- Lập hồ sơ nghệ nhân: thống kê số lượng, tuổi, trình độ chuyên môn, loại hình nghệ thuật thực hành, khả năng truyền nghề, tình trạng sức khỏe, nơi cư trú;

- Đánh giá mức độ nguy cơ mai một: phân loại các loại hình nghệ thuật theo mức độ ưu tiên bảo vệ, từ khẩn cấp, cần bảo vệ ngay đến duy trì và phát triển;

- Kiểm kê cơ sở vật chất, trang thiết bị và địa điểm biểu diễn: chùa, nhà văn hóa, sân lễ hội, nhạc cụ, đạo cụ, trang phục, bộ sưu tập hiện có.

* Số hóa tư liệu:

- Ghi hình, ghi âm, chụp ảnh các bài bản, điệu múa, nghi lễ, kịch bản Rô băm, Dù kê, Dì kê;

- Biên soạn tài liệu điện tử: văn bản mô tả kỹ thuật, lý thuyết, bài bản, ký hiệu nhạc cụ, hướng dẫn thực hành;

- Chuẩn hóa dữ liệu: sử dụng định dạng chuẩn, dễ lưu trữ, bảo quản lâu dài, thuận tiện tra cứu và tích hợp vào cơ sở dữ liệu điện tử toàn tỉnh;

- Đảm bảo bản quyền và đạo đức số hóa: xin phép nghệ nhân, cộng đồng và cơ sở tôn giáo liên quan, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tín ngưỡng.

* Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tổng hợp:

- Hệ thống hóa dữ liệu theo loại hình, địa bàn, nghệ nhân, lễ hội, nhạc cụ và điệu múa;

- Tích hợp công cụ tìm kiếm và tra cứu trực tuyến cho cán bộ quản lý, nghiên cứu, giáo dục và cộng đồng;

- Kết nối dữ liệu với các chương trình đào tạo, truyền dạy và phát triển du lịch văn hóa;

- Thiết lập cơ chế cập nhật, bổ sung thường xuyên, đảm bảo dữ liệu sống, phản ánh đúng thực trạng biến đổi của nghệ thuật Khmer qua các giai đoạn.

* Mục tiêu và hiệu quả:

- Bảo tồn tri thức nghệ thuật: lưu giữ đầy đủ, có hệ thống các giá trị nghệ thuật dân gian, bài bản và nghi lễ Khmer;

- Hỗ trợ đào tạo và kế thừa: tạo nền tảng giáo trình số hóa phục vụ lớp kế thừa;

- Phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch văn hóa: cung cấp dữ liệu chính xác cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và doanh nghiệp du lịch;

- Tăng cường tính sống động và khả năng lan tỏa của nghệ thuật Khmer trong đời sống cộng đồng và lễ hội.

3.2. Hỗ trợ nghệ nhân: Chính sách đãi ngộ, khen thưởng, hỗ trợ truyền nghề.

Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, việc tôn vinh, hỗ trợ và tạo điều kiện cho nghệ nhân là lực lượng nòng cốt là yêu cầu cấp thiết.

Cụ thể các nội dung triển khai:

* Chính sách đãi ngộ và khen thưởng:

- Trợ cấp định kỳ hoặc hỗ trợ tài chính theo dự án cho các nghệ nhân chủ chốt thực hành và truyền dạy các loại hình nghệ thuật nguy cấp;

- Tổ chức chương trình tôn vinh, khen thưởng cấp xã, cấp tỉnh đối với nghệ nhân tiêu biểu, giàu kinh nghiệm, góp phần khích lệ, nâng cao uy tín và động lực của nghệ nhân;

- Ghi nhận nghệ nhân trong hồ sơ văn hóa và cơ sở dữ liệu điện tử, bảo vệ quyền lợi tinh thần và pháp lý, đồng thời tạo cơ sở cho các chế độ hỗ trợ lâu dài.

* Hỗ trợ truyền nghề:

- Tạo điều kiện vật chất và trang thiết bị: cung cấp nhạc cụ, đạo cụ, trang phục biểu diễn, địa điểm tập luyện tại chùa, nhà văn hóa hoặc trung tâm văn hóa;

- Tổ chức các lớp truyền nghề chính quy và ngoại khóa, kết nối trực tiếp nghệ nhân với lớp học trò, xây dựng giáo trình bài bản, lịch học và phương pháp truyền dạy khoa học;

- Hỗ trợ nghệ nhân trong việc số hóa bài bản, điệu múa, kịch bản để lưu trữ và phục vụ giảng dạy;

- Khuyến khích nghệ nhân tham gia các hoạt động biểu diễn, lễ hội và du lịch văn hóa, vừa truyền nghề, vừa tạo nguồn thu nhập bổ sung, góp phần nâng cao đời sống và khuyến khích gắn bó lâu dài với nghề.

* Mục tiêu và hiệu quả:

- Bảo đảm sự kế thừa liên tục các loại hình nghệ thuật truyền thống;

- Tạo động lực và uy tín cho nghệ nhân, khuyến khích họ truyền dạy kỹ năng cho lớp trẻ;

- Củng cố vai trò cộng đồng và tính bền vững trong hoạt động bảo tồn;

- Tăng cường chất lượng và số lượng lớp học, câu lạc bộ nghệ thuật, đồng thời nâng cao hiệu quả kết nối với giáo dục và du lịch văn hóa.

Giải pháp này nhấn mạnh rằng nghệ nhân không chỉ là người thực hành, mà còn là trụ cột của hệ thống kế thừa và phát huy giá trị nghệ thuật Khmer, do đó chính sách đãi ngộ, khen thưởng và hỗ trợ truyền nghề là điều kiện tiên quyết để bảo tồn bền vững.

3.3. Tổ chức truyền dạy: Hợp tác giữa nghệ nhân và các cơ sở giáo dục, chùa Khmer.

Để bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, việc tổ chức truyền dạy theo cơ chế hợp tác giữa nghệ nhân và các cơ sở giáo dục, chùa Khmer là giải pháp trọng tâm, đảm bảo liên tục, bài bản và gắn với cộng đồng.

Cụ thể các nội dung triển khai:

* Hợp tác với cơ sở giáo dục:

- Tích hợp nghệ thuật Khmer vào chương trình ngoại khóa tại trường tiểu học, THCS, THPT, trung tâm giáo dục cộng đồng;

- Mời nghệ nhân trực tiếp giảng dạy tại lớp học, câu lạc bộ văn hóa;

- Xây dựng giáo trình bài bản, hệ thống hóa bài bản múa, nhạc cụ, bài hát và kịch bản Rô băm, Dù kê, Dì kê, kết hợp phương pháp sư phạm hiện đại;

- Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia biểu diễn, nghiên cứu và số hóa tư liệu, tạo môi trường thực hành trực tiếp.

* Hợp tác với chùa Khmer và Trung tâm văn hóa cộng đồng:

- Tổ chức lớp học, buổi tập luyện và biểu diễn tại chùa, nhà văn hóa để kết hợp với sinh hoạt cộng đồng và lễ hội truyền thống;

- Sử dụng chùa là nơi lưu giữ và bảo quản nhạc cụ, đạo cụ, trang phục biểu diễn, đồng thời tạo môi trường truyền dạy gần gũi, linh hoạt;

- Gắn hoạt động truyền dạy với lễ hội, nghi lễ, sự kiện cộng đồng, giúp lớp học trò thực hành trực tiếp, trải nghiệm văn hóa sống động, đồng thời duy trì tính cộng đồng và tinh thần lễ hội Khmer.

* Ứng dụng công nghệ hỗ trợ truyền dạy:

- Ghi hình, ghi âm các bài học, điệu múa, bài bản và kịch bản, tạo cơ sở dữ liệu số cho học sinh, sinh viên và cộng đồng tiếp cận;

- Sử dụng video hướng dẫn, nền tảng trực tuyến và mạng xã hội để mở rộng phạm vi truyền dạy, kết nối các lớp học từ xa, đặc biệt tại những địa phương có ít nghệ nhân;

- Theo dõi, đánh giá tiến độ học tập và thực hành thông qua hệ thống quản lý trực tuyến, đảm bảo chất lượng kế thừa và bảo tồn.

* Mục tiêu và hiệu quả:

- Đảm bảo lớp kế thừa liên tục và bài bản, tăng số lượng thanh thiếu niên Khmer biết múa, hát, chơi nhạc cụ truyền thống;

- Tạo môi trường truyền dạy linh hoạt, gắn kết giữa nghệ nhân, giáo dục và cộng đồng;

- Phát huy giá trị nghệ thuật trong đời sống cộng đồng và lễ hội, đồng thời tạo cơ sở phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa;

- Kết hợp bảo tồn với giáo dục hiện đại, nâng cao nhận thức và niềm tự hào văn hóa cho thế hệ trẻ.

Giải pháp này nhấn mạnh vai trò trung tâm của nghệ nhân, đồng thời tận dụng hệ thống giáo dục và chùa Khmer như môi trường chính thức và phi chính thức để truyền dạy, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống Khmer một cách bền vững.

3.4. Phát huy giá trị: Thông qua lễ hội, du lịch, không gian văn hóa cộng đồng

Để bảo tồn bền vững và phát huy nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, việc tăng cường thực hành, quảng bá và khai thác giá trị nghệ thuật trong đời sống cộng đồng, lễ hội và du lịch là giải pháp then chốt.

Cụ thể các nội dung triển khai:

* Phát huy thông qua lễ hội truyền thống:

- Lồng ghép các loại hình nghệ thuật vào lễ hội như Ok Om Bok, Chol Chnam Thmay, các nghi lễ tín ngưỡng, nhằm tạo môi trường biểu diễn sống động và hấp dẫn;

- Tổ chức liên hoan, hội thi, trình diễn nghệ thuật tại lễ hội để khuyến khích lớp trẻ tham gia và tăng cường tính cộng đồng;

- Gắn kết lễ hội với truyền dạy và quảng bá văn hóa, tạo cơ hội ghi hình, số hóa và lưu giữ tư liệu cho các loại hình nghệ thuật đang có nguy cơ mai một.

* Phát huy thông qua du lịch văn hóa:

- Xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với nghệ thuật truyền thống: tham quan chùa Khmer, học múa Rom Vong, trải nghiệm nhạc ngũ âm, tham dự lễ hội Chol Chnam Thmay, Ok Om Bok;

- Kết hợp nghệ thuật, lễ hội và ẩm thực Khmer để tạo trải nghiệm đa dạng, hấp dẫn du khách;

- Quảng bá giá trị nghệ thuật thông qua truyền thông du lịch, website, mạng xã hội, phim tài liệu, video, thu hút khách trong nước và quốc tế;

- Tạo nguồn thu và việc làm cho cộng đồng thông qua dịch vụ biểu diễn, hướng dẫn trải nghiệm, sản phẩm thủ công, từ đó tăng động lực bảo tồn nghệ thuật truyền thống.

* Phát huy thông qua không gian văn hóa cộng đồng:

- Tổ chức biểu diễn định kỳ tại chùa, nhà văn hóa, trung tâm cộng đồng, tạo môi trường thực hành thường xuyên cho nghệ nhân và lớp kế thừa;

- Thành lập câu lạc bộ văn hóa, nhóm nghệ thuật Khmer để tập luyện, biểu diễn và trao đổi kinh nghiệm, đồng thời kết nối với các hoạt động giáo dục và lễ hội;

- Khuyến khích cộng đồng chủ động tham gia và sáng tạo, kết hợp truyền thống với yếu tố hiện đại, duy trì sự sống động của nghệ thuật trong đời sống thường nhật.

* Mục tiêu và hiệu quả:

- Nâng cao nhận thức và niềm tự hào văn hóa của cộng đồng Khmer và các dân tộc khác;

- Duy trì tính sống động của nghệ thuật truyền thống thông qua thực hành, lễ hội và biểu diễn;

- Tạo cơ hội phát triển du lịch, kinh tế văn hóa và giáo dục, góp phần phát triển bền vững;

- Tăng cường gắn kết cộng đồng, giáo dục thế hệ trẻ và bảo tồn bản sắc văn hóa Khmer trong đời sống hiện đại.

Giải pháp này nhấn mạnh phát huy giá trị nghệ thuật không chỉ trong lưu giữ, mà còn trong thực hành và khai thác giá trị xã hội, văn hóa, giáo dục và kinh tế, đảm bảo nghệ thuật truyền thống Khmer được bảo tồn sống động, có sức lan tỏa và bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang.

VI. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, Đề án đề xuất các nội dung, nhiệm vụ và hoạt động trọng tâm sau:

1. Nội dung chính

1.1. Điều tra, kiểm kê toàn diện di sản nghệ thuật Khmer

- Khảo sát, thống kê đầy đủ các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer trên toàn bộ địa bàn tỉnh sau sáp nhập, bao gồm: nhạc cụ dân gian, ca múa dân gian, múa rối nước, lễ hội truyền thống, trang phục biểu diễn, kiến trúc đền chùa Khmer, nghi lễ và tập quán gắn với đời sống cộng đồng.

- Ghi hình, ghi âm, chụp ảnh, phiên âm các bài bản, lối diễn, nghi lễ; lập hồ sơ khoa học và bản đồ văn hóa số.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa di sản nghệ thuật Khmer liên kết với Cổng thông tin điện tử tỉnh, phục vụ quản lý, nghiên cứu, truyền dạy và quảng bá.

1.2. Tổ chức lớp truyền dạy nghệ thuật cho thanh thiếu niên Khmer

- Thành lập các lớp truyền dạy nhạc cụ, ca múa dân gian, múa rối nước và các loại hình nghệ thuật truyền thống khác cho thanh thiếu niên Khmer trên toàn tỉnh.

- Mời nghệ nhân, thầy dạy dân gian và nghệ sĩ Khmer có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy.

- Phối hợp với nhà trường, trung tâm văn hóa và câu lạc bộ nghệ thuật địa phương lồng ghép chương trình truyền dạy nghệ thuật vào hoạt động ngoại khóa.

- Hỗ trợ nguyên liệu, dụng cụ, địa điểm và kinh phí, đảm bảo các lớp học vận hành liên tục, hiệu quả.

1.3. Tổ chức hội thi, liên hoan biểu diễn nghệ thuật dân gian

- Tổ chức các hội thi, liên hoan nghệ thuật dân gian Khmer cấp tỉnh định kỳ 2 năm/lần, thu hút các câu lạc bộ, nghệ nhân và cộng đồng toàn tỉnh tham gia.

- Kết hợp các sự kiện với du lịch trải nghiệm văn hóa, thu hút khách tham quan trong và ngoài tỉnh.

- Tư liệu hóa các tiết mục xuất sắc để phục vụ quảng bá, nghiên cứu và phát triển chương trình truyền dạy.

1.4. Xây dựng mô hình "Không gian văn hóa Khmer" tại các địa phương có đông đồng bào Khmer

- Thiết lập không gian văn hóa cộng đồng như nhà văn hóa Khmer, khu trình diễn nghệ thuật, khu trưng bày nhạc cụ, trang phục, hiện vật văn hóa, phòng học truyền dạy nghệ thuật.

- Phục hồi, tôn tạo các di tích văn hóa tiêu biểu: đền chùa Khmer, hội quán, di tích lễ hội truyền thống.

- Kết nối các không gian văn hóa thành tuyến và cụm du lịch trải nghiệm văn hóa, gắn với các địa phương trọng điểm Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn, An Phú và các khu vực mới thuộc Kiên Giang.

- Hỗ trợ cộng đồng vận hành mô hình, tổ chức biểu diễn định kỳ, hội thảo văn hóa và các hoạt động trải nghiệm cho du khách, góp phần bảo tồn sống nghệ thuật truyền thống Khmer.

2. Hoạt động cụ thể

Để triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Đề án, các hoạt động cụ thể được đề xuất nhằm bảo tồn, truyền dạy, quảng bá và phát huy nghệ thuật truyền thống Khmer:

2.1. Hội thảo khoa học, tọa đàm nghệ nhân

- Tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm với sự tham gia của nghệ nhân Khmer, nhà nghiên cứu, cán bộ văn hóa và đại diện cộng đồng Khmer toàn tỉnh.

- Thảo luận về lịch sử, nghệ thuật, lễ hội, nghi lễ, nhạc cụ, múa, sân khấu dân gian Khmer, đồng thời đưa ra giải pháp bảo tồn và phát huy di sản.

- Kết hợp ghi âm, ghi hình, tư liệu hóa nội dung hội thảo để phục vụ nghiên cứu, giáo dục và truyền thông sau này.

2.2. Xuất bản sách, video, triển lãm ảnh tư liệu

- Sưu tầm và xuất bản các ấn phẩm sách, cẩm nang, sổ tay, tài liệu nghiên cứu về nghệ thuật Khmer, phục vụ học sinh, sinh viên, cộng đồng và du khách.

- Sản xuất video tư liệu, phim ngắn, clip biểu diễn múa, nhạc, sân khấu dân gian Khmer, đăng tải trên các nền tảng truyền thông số, website và mạng xã hội.

- Tổ chức triển lãm ảnh tư liệu, giới thiệu nhạc cụ, trang phục, lễ hội, di tích văn hóa và nghệ thuật truyền thống của đồng bào Khmer tại các địa phương trọng điểm.

2.3. Biên soạn giáo trình ngắn hạn về múa, nhạc, sân khấu Khmer

- Xây dựng giáo trình ngắn hạn, tài liệu hướng dẫn về múa, nhạc, sân khấu truyền thống Khmer, phù hợp cho học sinh, sinh viên và các lớp đào tạo cộng đồng.

- Các giáo trình này sẽ được nghệ nhân trực tiếp hướng dẫn, đảm bảo kế thừa kỹ năng thực hành và kiến thức văn hóa dân gian.

- Phối hợp với trường học, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ nghệ thuật để triển khai các lớp học, câu lạc bộ nghệ thuật và hoạt động ngoại khóa.

- Tạo điều kiện để học viên có thể thực hành, biểu diễn, tham gia hội thi, liên hoan, từ đó góp phần duy trì và lan tỏa nghệ thuật Khmer trong cộng đồng và du khách.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Đề án được triển khai theo lộ trình 5 năm (2026–2030), với các giai đoạn trọng tâm, nhằm bảo đảm các nội dung và hoạt động được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đồng thời có cơ sở đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

1. Năm 2026: Khởi động, điều tra, lập danh mục di sản

- Khởi động Đề án: Thành lập Ban chỉ đạo, tổ chức hội nghị triển khai, phân công nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng dự án và địa phương.

- Điều tra, kiểm kê di sản: Khảo sát toàn diện các loại hình nghệ thuật truyền thống Khmer, bao gồm múa, nhạc cụ dân gian, sân khấu dân gian, lễ hội truyền thống, trang phục biểu diễn, nghi lễ và các di tích văn hóa.

- Lập danh mục di sản: Xây dựng hồ sơ khoa học, ghi hình, ghi âm, chụp ảnh và phiên âm các bài bản, nghi lễ; thiết lập cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ quản lý, nghiên cứu và truyền dạy.

2. Năm 2027-2028: Triển khai truyền dạy, xây dựng mô hình

- Truyền dạy nghệ thuật Khmer: Mở các lớp học, câu lạc bộ, lớp truyền dạy nhạc, múa, sân khấu truyền thống cho thanh thiếu niên và cộng đồng Khmer trên toàn tỉnh.

- Xây dựng mô hình "Không gian văn hóa Khmer": Thiết lập nhà văn hóa, khu trình diễn nghệ thuật, phòng học, khu trưng bày nhạc cụ, trang phục, hiện vật văn hóa.

- Hội thi, liên hoan: Tổ chức hội thi, liên hoan nghệ thuật Khmer cấp huyện, cấp tỉnh; kết hợp biểu diễn, quảng bá và du lịch trải nghiệm.

- Xuất bản và truyền thông: Xuất bản sách, tài liệu, video tư liệu, triển lãm ảnh; quảng bá nghệ thuật truyền thống Khmer tới cộng đồng và du khách.

3. Năm 2029-2030: Tổng kết, nhân rộng, đánh giá và điều chỉnh

- Tổng kết hoạt động: Kiểm tra, đánh giá hiệu quả các lớp học, câu lạc bộ, không gian văn hóa và các sự kiện biểu diễn.

- Điều chỉnh chương trình: Rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp truyền dạy, tổ chức hội thi, liên hoan, quảng bá và quản lý không gian văn hóa.

- Nhân rộng mô hình: Mở rộng các lớp học, câu lạc bộ, không gian văn hóa và mô hình du lịch trải nghiệm tới các địa phương khác trong tỉnh.

- Đề xuất giai đoạn tiếp theo: Xây dựng định hướng, mục tiêu và giải pháp cho giai đoạn sau 2030, nhằm bảo tồn bền vững và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer.

VIII. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

Để triển khai đồng bộ và hiệu quả các mục tiêu của Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026 – 2030, Đề án được chia thành các dự án thành phần trọng tâm, nhằm đảm bảo từng lĩnh vực được tập trung đầu tư, tổ chức và giám sát chặt chẽ.

1. Dự án 1: Số hóa tư liệu nghệ thuật dân gian Khmer

* Mục tiêu:

- Kiểm kê, ghi âm, ghi hình và số hóa các loại hình nghệ thuật dân gian Khmer, bao gồm múa, nhạc cụ, sân khấu dân gian, lễ hội, nghi lễ và trang phục biểu diễn.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, phục vụ quản lý, nghiên cứu, truyền dạy và quảng bá nghệ thuật truyền thống Khmer.

* Nội dung chính:

- Khảo sát, lập hồ sơ khoa học về di sản nghệ thuật Khmer.

- Ghi âm, ghi hình, chụp ảnh các tiết mục nghệ thuật, nghi lễ, lễ hội truyền thống.

- Ứng dụng công nghệ số hóa, GIS và AI để lưu trữ, quản lý và tra cứu tư liệu.

- Liên kết cơ sở dữ liệu với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

* Kết quả dự kiến:

- Hệ thống dữ liệu số hóa hoàn chỉnh, chuẩn hóa và cập nhật định kỳ.

- Cung cấp công cụ tra cứu cho cơ quan quản lý, nhà nghiên cứu, nghệ nhân và du khách.

- Là cơ sở lập hồ sơ di sản văn hóa Khmer cấp tỉnh và quốc gia.

2. Dự án 2: Đào tạo và truyền dạy nghệ thuật truyền thống Khmer

* Mục tiêu:

- Xây dựng đội ngũ nghệ nhân trẻ, hướng dẫn viên văn hóa và hạt nhân cộng đồng có năng lực gìn giữ, thực hành, quảng bá nghệ thuật Khmer.

- Bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một.

* Nội dung chính:

- Tổ chức lớp học, câu lạc bộ truyền dạy múa, nhạc cụ, sân khấu dân gian và các loại hình nghệ thuật khác.

- Mời nghệ nhân Khmer, thợ thủ công, nghệ sĩ dân gian làm giảng viên trực tiếp.

- Phối hợp với nhà trường, trung tâm văn hóa, cơ sở đào tạo du lịch để lồng ghép chương trình giảng dạy.

- Hỗ trợ nguyên liệu, dụng cụ, địa điểm và kinh phí cho nghệ nhân và học viên.

- Biên soạn giáo trình ngắn hạn, tài liệu hướng dẫn cho học viên và câu lạc bộ.

* Kết quả dự kiến:

- Đào tạo được đội ngũ kế thừa có tay nghề, hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật Khmer.

- Duy trì và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống hàng năm.

- Góp phần hình thành sản phẩm văn hóa - du lịch do cộng đồng quản lý và vận hành.

3. Dự án 3: Tổ chức sự kiện, triển lãm, liên hoan biểu diễn nghệ thuật Khmer

* Mục tiêu:

- Quảng bá rộng rãi nghệ thuật truyền thống Khmer tới cộng đồng và du khách.

- Tạo cơ hội giao lưu, sáng tạo và nâng cao chất lượng biểu diễn nghệ thuật.

* Nội dung chính:

- Tổ chức liên hoan, hội thi nghệ thuật dân gian Khmer cấp huyện và tỉnh định kỳ 2 năm/lần.

- Tổ chức triển lãm, trình diễn múa, nhạc, sân khấu dân gian, lễ hội và nghi lễ Khmer.

- Xuất bản sách, video tư liệu, triển lãm ảnh, ấn phẩm giới thiệu nghệ thuật Khmer.

- Kết hợp các sự kiện với phát triển du lịch trải nghiệm văn hóa.

* Kết quả dự kiến:

- Tăng cường quảng bá hình ảnh nghệ thuật Khmer tới du khách trong và ngoài tỉnh.

- Lưu giữ tư liệu các tiết mục xuất sắc để phục vụ truyền dạy và nghiên cứu.

- Thúc đẩy sự sáng tạo, nâng cao chất lượng biểu diễn và giao lưu văn hóa.

4. Dự án 4: Xây dựng không gian văn hóa Khmer tại cộng đồng

* Mục tiêu:

- Thiết lập hệ thống không gian văn hóa cộng đồng mang đặc trưng nghệ thuật Khmer.

- Gắn kết văn hóa với phát triển du lịch trải nghiệm, nâng cao sinh kế cộng đồng.

* Nội dung chính:

- Xây dựng hoặc cải tạo nhà văn hóa, khu trình diễn nghệ thuật, phòng học truyền dạy và khu trưng bày nhạc cụ, trang phục, hiện vật văn hóa.

- Phục hồi và tôn tạo các di tích văn hóa tiêu biểu: đền chùa Khmer, hội quán, di tích lễ hội truyền thống.

- Kết nối các không gian văn hóa thành tuyến và cụm du lịch trải nghiệm văn hóa trên toàn tỉnh, đặc biệt tại các địa phương đông đồng bào Khmer: Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn, An Phú, Định Hòa, Gò Quao, Rạch Giá.

- Hỗ trợ cộng đồng vận hành không gian văn hóa, tổ chức biểu diễn định kỳ và các hoạt động trải nghiệm cho du khách.

* Kết quả dự kiến:

- Hình thành mô hình không gian văn hóa Khmer ổn định, hoạt động hiệu quả.

- Tạo sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng, kết nối trong chuỗi du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

- Nâng cao thu nhập, gắn kết xã hội và bảo tồn bền vững nghệ thuật truyền thống Khmer.

5. Danh mục dự kiến theo năm và theo dự án thành phần

Năm	Số hóa tư liệu	Đào tạo và truyền dạy	Sự kiện, triển lãm, liên hoan	Không gian văn hóa cộng đồng
2026	Khảo sát, lập hồ sơ, ghi hình, ghi âm, thiết lập cơ sở dữ liệu	Lập kế hoạch đào tạo, tuyển chọn nghệ nhân, chuẩn bị giáo trình	Lập kế hoạch tổ chức hội thi, triển lãm, liên hoan	Khảo sát, lập quy hoạch, lựa chọn địa điểm
2027	Tiếp tục số hóa, cập nhật dữ liệu	Triển khai lớp truyền dạy, hỗ trợ dụng cụ, nguyên liệu	Tổ chức hội thi, liên hoan thử nghiệm, xuất bản ấn phẩm, video	Xây dựng hoặc cải tạo không gian văn hóa mẫu
2028	Bổ sung, hoàn thiện kho tư liệu điện tử	Duy trì lớp học, bồi dưỡng nghệ nhân trẻ	Tổ chức triển lãm, biểu diễn văn hóa, quảng bá du lịch	Hoàn thiện 2–3 không gian văn hóa - du lịch
2029	Bảo trì, cập nhật dữ liệu	Mở rộng câu lạc bộ, lớp học	Hội thi, liên hoan, tham gia festival, quảng bá du lịch	Duy trì và vận hành không gian văn hóa
2030	Tổng kết dữ liệu, đánh giá hiệu quả	Tổng kết lớp học, biên soạn giáo trình	Tổng kết sự kiện, báo cáo kết quả	Tổng kết, nhân rộng mô hình không gian văn hóa

IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước (bao gồm kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương); Nguồn xã hội hóa (nếu có).

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa và Thể thao

- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết hằng năm.

- Tổ chức kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa nghệ thuật truyền thống Khmer.

- Chủ trì mở các lớp truyền dạy, phục hồi bài bản múa – nhạc – sân khấu Khmer.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình câu lạc bộ nghệ thuật và đội biểu diễn cộng đồng.

- Liên kết với trường đại học, viện nghiên cứu để xây dựng giáo trình, tập huấn giảng viên.

- Chủ trì tổ chức liên hoan, hội thi, giao lưu nghệ thuật.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các hoạt động bảo tồn phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer của tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của các loại hình nghệ thuật này.

- Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Đề án chi tiết theo chế độ, định mức quy định, gửi Sở Tài chính có ý kiến về dự toán kinh phí thực hiện. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

- Theo dõi, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai Đề án.

2. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo phân kỳ, trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên, kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được giao của các cơ quan, đơn vị có liên quan, kinh phí thực hiện Chương trình, Dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh

Phối hợp điều tra, khảo sát thực trạng hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer, cung cấp thông tin phục vụ Đề án, phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo trong khuôn khổ Đề án. Phối hợp tham gia vận động xã hội hóa để huy động nguồn lực của xã hội hỗ trợ cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer theo Đề án này.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao khảo sát thực trạng, đề xuất giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền dạy nghệ thuật truyền thống Khmer tại các trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh An Giang. Có kế hoạch từng bước đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên; mời nghệ nhân có khả năng truyền dạy nghệ thuật truyền thống Khmer cho học sinh trong nhà trường.”

5. Sở Du lịch: Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng chương trình tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị nghệ thuật truyền thống Khmer; gắn với chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch của tỉnh, kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc Khmer ở An Giang. Phối hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống Khmer để đưa biểu diễn nghệ thuật truyền thống Khmer vào các tour du lịch trên địa bàn tỉnh phục vụ du khách. Từng bước xây dựng nghệ thuật truyền thống Khmer thành sản phẩm văn hóa du lịch, quảng bá hình ảnh về đất và người An Giang.

6. Sở Khoa học - Công nghệ: Hỗ trợ số hóa, sở hữu trí tuệ các nội dung liên quan Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026 – 2030.

7. Báo và Phát thanh – Truyền hình tỉnh An Giang

- Thường xuyên xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình để tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của nghệ thuật giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao trong tổ chức các chương trình liên hoan, hội thi nghệ thuật truyền thống Khmer trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục các bài viết, tin ảnh, phóng sự, tài liệu tuyên truyền, phản ánh các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang.

8. Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức các cuộc thi sáng tác lời mới cho dân ca Khmer và sáng tác kịch bản cho sân khấu Dù Kê; đồng thời phối hợp tổ chức các hội thi, liên hoan, trình diễn nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh.

9. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Phối hợp chỉ đạo, định hướng nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và giá trị của nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, đặc khu tích cực đưa các hoạt động nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer vào nội dung sinh hoạt thường xuyên hàng năm ở các tổ chức hội đoàn thể và cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tỉnh.

11. Đề nghị Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh

Phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao trong công tác tuyên truyền cho Phật tử về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer, động viên khuyến khích người dân tập luyện, thực hành, biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer. Thống nhất với chính quyền địa phương về cung cấp địa điểm tổ chức giao lưu văn nghệ ở cấp cơ sở. Tham gia mở các lớp tập huấn, truyền dạy, điều tra, kiểm kê về nghệ thuật Khmer. Giới thiệu danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú", "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer ở địa phương.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện các nội dung của Đề án tại địa phương. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động về bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer (như tổ chức giao lưu, liên hoan, hội diễn hàng năm tại cấp xã).

- Tổ chức tuyên truyền trong cán bộ và nhân dân trên địa bàn về ý nghĩa, giá trị của nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức giao lưu, Liên hoan nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer cấp xã định kỳ 2 năm một lần, tổ chức giao lưu nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer cấp xã mỗi năm một lần

- Hỗ trợ thành lập các đội, nhóm văn nghệ quần chúng Khmer. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đội, nhóm văn nghệ Khmer tại địa phương hoạt động và kết nạp thành viên mới và phát triển thêm các các đội, nhóm văn nghệ Khmer.

- Chỉ đạo trình diễn nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer tại hệ thống Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cơ bản; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Thiếu nhi các xã, phường, đặc khu.

- Phối hợp điều tra, kiểm kê, đánh giá kết quả hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer tại địa phương và biểu dương, khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- Từ nguồn ngân sách được phân cấp, bố trí hợp lý khoản kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn **.**

XI.TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn bản pháp luật

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

- Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc";

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc;

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghi định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân","Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;

- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 287/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 816/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

- Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2299/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Công văn số 2271/VP-KGVX ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh tên gọi Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Kiên Giang và Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2026-2030 thành Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh An Giang và Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026-2030.

2. Sách, báo, tạp chí

- Bùi Công Ba, Phạm Xuân Nam (2015), *Thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa chùa, tháp Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Đề tài cấp tỉnh.

- Vũ Minh Giang (2008), *Lược sử vùng đất Nam bộ - Việt Nam",* Nxb. Thế giới, Hà Nội.

- Nguyễn Hữu Hiếu (2011), *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam bộ,* Nxb. Thanh Niên.

- Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

- Thanh Phương - Hồ Lê - Huỳnh Lứa - Nguyễn Quang Vinh, *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam bộ,* Nxb. Thời Đại.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kiên Giang (2011), *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Kiên Giang*.

- Hồ Bá Thâm (2003), *Văn hóa Nam Bộ vấn đề và phát triển*, Nxb. VH-TT.

- Nguyễn Đình Thanh (2008), *Di sản văn hóa bảo tồn và phát triển*, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Đình Thanh (2011), *Di sản văn hóa bảo tồn và phát triển-chuyên đề kiến trúc*, Nxb. Đại học Công nghiệp Tp.HCM.

- Nguyễn Văn Tình (2009), "*Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam",* Nxb. Văn hóa - Thông tin.

- Vương Hoàng Trù, Phú Văn Hẳn (2012), *Một số vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Nam Bộ trong phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội.

- Chu Quang Trứ (1996), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam"*, Nxb. Thuận Hóa.

- Unesco (2003), *Công ước Di sản văn hóa phi vật thể,* mục I.